

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09 tháng 11 năm 2021

*“Ly hôn; tranh chấp nuôi con
chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang

Ông Đặng Quang Hoạch

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1024/2020/TLST- HNGĐ ngày 10/12/2020 về việc “Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 46/TB-TA ngày 09/7/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 51/TB-TA ngày 11/8/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 59/TB-TA ngày 10/9/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 80/TB-TA ngày 11/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đăng T, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Tổ 30, ấp TH, xã HN 3, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Tổ 30, ấp TH, xã HN 3, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Q vắng tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tường trình nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đăng T trình bày:*

Chị và anh Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, nơi đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, ngày đăng ký 14/02/2020. Trong quá trình chung sống, chị và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, làm cho cuộc sống hôn nhân vô cùng căng thẳng. Anh Q là người không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, không quan tâm vợ con. Trong cuộc sống hôn nhân, hai người không có tiếng nói chung, thường xuyên xung đột, cãi vã, hiện hai người không còn sống chung với nhau. Sự việc cũng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả.

Chị nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Q.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Khánh N, sinh ngày 18/4/2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Do bận việc nên Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

** Bị đơn anh Nguyễn Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh Q đều vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh Q có đăng ký kết hôn tự nguyện và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình

chung sống, vợ chồng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, anh Q không chăm sóc vợ con, không còn tình cảm thương yêu dành cho nhau, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T về việc ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Khánh N, sinh ngày 18/4/2019. Khi ly hôn, Chị T đề nghị được nuôi con chung. Vì con chung là con gái, hiện nay cháu chỉ mới hơn 3 tuổi, cháu đang sống ổn định với mẹ. Hơn nữa trong suốt quá trình tố tụng anh Q không đến Tòa án làm việc, yêu cầu quyền nuôi con. Để đảm bảo về tâm lý trong việc phát triển của con chung nên tiếp tục giao con chung cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Chị T khai không có nợ chung; về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Đăng T có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung với anh Nguyễn Hoàng Q, địa chỉ tạm trú tại: Tổ 30, ấp TH, xã HN 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Do đó, Chị T được xác định là nguyên đơn, anh Q được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q kết hôn vào năm 2020, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2020 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Q và được Tòa án thụ lý ngày 10/12/2020 nên áp dụng thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết ly hôn.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo nguyên đơn trình bày, trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh Q là người không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Trong cuộc sống hôn nhân hai người không có tiếng nói chung, thường xuyên xung đột, cãi vã. Hiện hai người không còn sống chung với nhau (bút lục: 09, 17, 30). Về phía bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để có ý kiến, hòa giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh Q vẫn không tham gia, bỏ mặc, không còn mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Q là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Khánh N, sinh ngày 18/4/2019. Khi ly hôn, Chị T đề nghị được nuôi con chung. Xét về điều kiện nuôi con, vì con chung là con gái, hiện nay cháu chỉ mới hơn 3 tuổi, cháu đang sống ổn định với mẹ. Hơn nữa trong suốt quá trình tố tụng anh Q không đến Tòa án làm việc, yêu cầu quyền nuôi con. Để tránh tình trạng xáo trộn về tâm lý trong việc phát triển của con chung nên cần giao con chung cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Trong quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia làm việc, không có ý kiến nên không đặt ra xem xét về tài sản chung.

[2.4]. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nợ chung.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đăng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Đăng T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Khánh N, sinh ngày 18/4/2019 cho chị Nguyễn Thị Đăng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời Chị T không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đăng T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006207 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Biên;
(Giấy CNKH số: 144 ngày 08/5/2001)
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán;
Mẫu 52-DS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Phú Tra

